Quận 8 **Biểu số 69/CK-NSNN**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN NĂM 2018

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2017	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**845.040**	**1.083.484**	**861.353**	**79,50**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**166.950**	**177.189**	**195.424**	**110,29**
1	Thu NSĐP hưởng 100%	52.254	83.715	69.892	83,49
2	Thu NSĐP hưởng từ các khoản phân chia	114.696	93.474	125.532	134,30
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**678.090**	**693.304**	**654.765**	**94,44**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	644.350	644.350	654.765	101,62
2	Thu bổ sung có mục tiêu	33.740	48.954		
III	**Thu kết dư**		**170.184**		
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**42.807**	**11.164**	
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**845.040**	**887.847**	**861.353**	**101,93**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách địa phương**	**842.963**	**885.641**	**858.716**	**101,87**
1	Chi đầu tư phát triển	33.740	50.230		
2	Chi thường xuyên	782.927	835.411	832.186	106,29
3	Dự phòng ngân sách	26.296		26.530	100,89
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**2.077**	**2.206**	**2.637**	**126,96**
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.077	2.206	2.637	126,96
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**				

Đối với các chỉ tiêu thu NSĐP, so sánh dự toán năm 2018 với ước thực hiện năm 2017.

Đối với các chỉ tiêu chi NSĐP, so sánh dự toán năm 2018 với dự toán năm 2017.

Quận 8 **Biểu số 70/CK-NSNN**

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP QUẬN VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2018

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

STT	Nội dung	Dự toán năm 2017	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4
A	**NGÂN SÁCH CẤP QUẬN**				
I	**Nguồn thu ngân sách**	**832.658**	**1.046.937**	**842.098**	**80,43**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	154.568	158.603	178.820	112,75
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	678.090	693.304	654.765	94,44
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách	644.350	644.350	654.765	101,62
	- Thu bổ sung có mục tiêu	33.740	48.954		
3	Thu kết dư		160.537		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		34.493	8.513	24,68
II	**Chi ngân sách**	**832.658**	**872.087**	**842.098**	**101,13**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp quận	706.577	722.502	712.134	100,79
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	126.081	149.585	129.964	103,08
	- Chi bổ sung cân đối ngân sách	124.805	124.085	129.964	104,13
	- Chi bổ sung có mục tiêu	1.276	25.500		
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
B	**NGÂN SÁCH PHƯỜNG**				
I	**Nguồn thu ngân sách**	**138.463**	**186.132**	**149.219**	**134,43**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	12.382	18.586	16.604	89,34
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	126.081	149.585	129.964	86,88
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách	124.805	124.085	129.964	104,74
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.276	25.500		
3	Thu kết dư		9.647		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		8.314	2.651	31,89
II	**Chi ngân sách**	**138.463**	**165.345**	**149.219**	**107,77**

Đối với các chỉ tiêu thu NSĐP, so sánh dự toán năm 2018 với ước thực hiện năm 2017.

Đối với các chỉ tiêu chi NSĐP, so sánh dự toán năm 2018 với dự toán năm 2017.

Quận 8 **Biểu số 71/CK-NSNN**

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

ĐV: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2017		Dự toán năm 2018		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	**1.475.000**	**177.189**	**1.588.000**	**195.424**	**107,66**	**110,29**
I	**Thu nội địa**	**1.474.803**	**176.992**	**1.588.000**	**195.424**	**107,68**	**110,41**
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	522.000	93.874	700.000	125.532	134,10	133,72
	- Thuế giá trị gia tăng hàng SXKD trong nước	380.000	68.400	510.000	91.800	134,21	134,21
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	139.300	25.074	187.400	33.732	134,53	134,53
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước	2.300		2.600		113,04	
	- Thuế tài nguyên	400	400				
5	Thuế thu nhập cá nhân	173.000		236.000		136,42	
6	Thuế bảo vệ môi trường	3.200		2.000		62,50	
7	Lệ phí trước bạ	215.000	32.000	285.000	34.200	132,56	106,88
8	Thu phí, lệ phí (bao gồm lệ phí môn bài)	58.570	21.744	60.000	19.671	102,44	90,47
	- Phí và lệ phí trung ương	36.826		40.329		109,51	
	- Phí và lệ phí tỉnh						
	- Phí và lệ phí huyện	13.600	13.600	12.721	12.721	93,54	93,54
	- Phí và lệ phí xã	8.144	8.144	6.950	6.950	85,34	85,34
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.500	8.500	8.000	8.000	94,12	94,12
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	37.000		54.000		145,95	
12	Thu tiền sử dụng đất	388.930		200.000		51,42	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động sổ xố kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	68.603	20.874	43.000	8.021	62,68	38,43
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
II	**Thu viện trợ**	**197**	**197**				

Quận 8 **Biểu số 72/CK-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN, CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN VÀ CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2018

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách quận	Bao gồm	
			Ngân sách cấp quận	Ngân sách phường
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSĐP	**861.353**	**712.134**	**149.219**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**858.716**	**709.497**	**149.219**
I	**Chi đầu tư phát triển**			
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	**Chi thường xuyên**	**832.186**	**685.867**	**146.319**
	Trong đó:			
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*352.235*	*351.914*	*321*
2	*Chi khoa học và công nghệ*			
III	**Dự phòng ngân sách**	**26.530**	**23.630**	**2.900**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**			
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**2.637**	**2.637**	
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**			
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**2.637**	**2.637**	
	Chương trình y tế - dân số	2.637	2.637	
	Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp			
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**			

Quận 8 **Biểu số 73/CK-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NSĐP	**842.098**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI**	**129.964**
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN THEO LĨNH VỰC**	**712.134**
I	**Chi đầu tư phát triển**	
1	Chi đầu tư cho các dự án	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	**Chi thường xuyên**	**688.504**
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	351.914
	Chi khoa học và công nghệ	
	Chi quốc phòng	8.439
	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.115
	Chi y tế, dân số và gia đình	70.014
	Chi văn hóa thông tin	3.035
	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
	Chi thể dục thể thao	555
	Chi bảo vệ môi trường	53.503
	Chi các hoạt động kinh tế	45.979
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	53.999
	Chi bảo đảm xã hội	86.021
	Chi thường xuyên khác	12.930
III	**Dự phòng ngân sách**	**23.630**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	

Quận 8 **Biểu số 74/CK-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2018

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	**842.098**		**815.831**	**23.630**		**2.637**		**2.637**	
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**688.504**		**685.867**			**2.637**		**2.637**	
1	Văn phòng HĐND và UBND	10.863		10.863						
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	3.284		3.284						
3	Phòng Kinh tế	1.845		1.845						
4	Phòng Văn hóa và Thông tin	1.658		1.658						
5	Phòng LĐ - TB và XH	109.267		109.267						
6	Phòng Quản lý đô thị	7.224		7.224						
7	Phòng Tài nguyên và Môi trường	6.625		6.625						
8	Phòng Tư pháp	1.384		1.384						
9	Thanh tra	1.532		1.532						
10	Phòng Nội vụ	5.796		5.796						
11	Phòng Giáo dục và Đào tạo	3.158		3.158						
12	Phòng Y tế	4.267		1.630			2.637		2.637	
13	Trung tâm Y tế	30.547		30.547						
14	Trung tâm Văn hóa	1.321		1.321						
15	Nhà Thiếu nhi	1.114		1.114						
16	Trung tâm TDTT	555		555						
17	Trung tâm BD chính trị	2.585		2.585						
18	Ban Chỉ huy Quân sự	8.439		8.439						
19	Công an	2.115		2.115						
20	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	3.085		3.085						
21	Quận Đoàn	2.440		2.440						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
22	Hội Liên hiệp Phụ nữ	1.770		1.770						
23	Hội Cựu chiến binh	822		822						
24	Hội Chữ thập đỏ	1.043		1.043						
25	Trường Mầm non Vườn Hồng	6.539		6.539						
26	Trường Mầm non Việt Nhi	7.218		7.218						
27	Trường Mầm non Bình Minh	4.107		4.107						
28	Trường Mầm non Tuổi Hoa	5.613		5.613						
29	Trường Mầm non Tuổi Thơ	5.779		5.779						
30	Trường Mầm non 19/5	7.610		7.610						
31	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	7.650		7.650						
32	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	5.684		5.684						
33	Trường Mầm non Vành Khuyên	3.897		3.897						
34	Trường Mầm non Vàng Anh	5.614		5.614						
35	Trường Mầm non Nắng Mai	3.836		3.836						
36	Trường Mầm non Sơn Ca	3.508		3.508						
37	Trường Mầm non Họa Mi	4.544		4.544						
38	Trường Mầm non Kim Đồng	4.294		4.294						
39	Trường Mầm non Bông Hồng	4.378		4.378						
40	Trường Mầm non Bé Ngoan	4.177		4.177						
41	Trường Mầm non Hoa Phượng	3.917		3.917						
42	Trường Mầm non Bông Sen	5.003		5.003						
43	Trường TH Bông Sao	10.914		10.914						
44	Trường TH Âu Dương Lân	10.831		10.831						
45	Trường TH Rạch Ông	4.543		4.543						
46	Trường TH Lưu Hữu Phước	4.411		4.411						
47	Trường TH Vàm Cỏ Đông	5.787		5.787						
48	Trường TH Lý Thái Tổ	2.749		2.749						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
49	Trường TH Thái Hưng	5.831		5.831						
50	Trường TH Hưng Phú	5.856		5.856						
51	Trường TH Trần Nguyên Hãn	7.352		7.352						
52	Trường TH Nguyễn Trực	3.429		3.429						
53	Trường TH Phan Đăng Lưu	6.145		6.145						
54	Trường TH Bùi Minh Trực	4.142		4.142						
55	Trường TH An Phong	4.989		4.989						
56	Trường TH Hoàng Minh Đạo	4.209		4.209						
57	Trường TH Hồng Đức	4.070		4.070						
58	Trường TH Tuy Lý Vương	8.346		8.346						
59	Trường TH Nguyễn Nhược Thị	6.593		6.593						
60	Trường Hy Vọng	1.963		1.963						
61	Trường TH Trần Danh Lâm	6.210		6.210						
62	Trường TH Nguyễn Trung Ngạn	5.684		5.684						
63	Trường TH Lý Nhân Tông	4.961		4.961						
64	Trường TH Nguyễn Công Trứ	7.658		7.658						
65	Trường THCS Khánh Bình	4.273		4.273						
66	Trường THCS Dương Bá Trạc	7.254		7.254						
67	Trường THCS Chánh Hưng	11.629		11.629						
68	Trường THCS Phan Đăng Lưu	5.056		5.056						
69	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	6.933		6.933						
70	Trường THCS Bình An	6.471		6.471						
71	Trường THCS Bình Đông	7.185		7.185						
72	Trường THCS Lê Lai	7.500		7.500						
73	Trường THCS Tùng Thiện Vương	10.258		10.258						
74	Trường THCS Trần Danh Ninh	3.654		3.654						
75	Trường THCS Lý Thánh Tông	7.489		7.489						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
76	Trường THCS Phú Lợi	2.119		2.119						
77	Trường BDNV giáo dục	3.839		3.839						
78	Trung tâm KTTH hướng nghiệp	1.784		1.784						
79	Trung tâm GD thường xuyên	2.798		2.798						
80	Hội Khuyến học	209		209						
81	Hội Đông y	56		56						
82	Hội Luật gia	230		230						
83	Hội Cựu thanh niên xung phong	157		157						
84	Hội Người mù	69		69						
85	Hội Cựu giáo chức	38		38						
86	Bảo hiểm xã hội Quận 8	13.912		13.912						
87	Tòa án nhân dân	738		738						
88	Viện Kiểm sát nhân dân	540		540						
89	Chi cục Thi hành án dân sự	522		522						
90	Chi cục Thống kê	102		102						
91	Chi nhiệm vụ khác theo chế độ	150.907		150.907						
II	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**23.630**			**23.630**					
III	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**									
IV	**CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI**	**129.964**		**129.964**						
V	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU**									